TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình Đ, sinh năm 1982.

Nơi thường trú và cư trú hiện nay: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1979.

Nơi thường trú và cư trú hiện nay: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Đình Đ trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thùy T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2008 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh và chị T về chung sống với nhau tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải

Dương. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống do có sự khác biệt trong phong tục tập quán, văn hóa vùng miền dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung. Đến khoảng cuối năm 2008, do mâu thuẫn nên chị T đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Sau khi vợ chồng ly thân, anh và chị T ít liên lạc với nhau và không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Nay, anh xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

+ Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Vũ Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày quan điểm như sau:

+ Chị T nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bình Giang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Vũ Đình Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2008. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ về chung sống với nhau tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên khác nhau về phong tục, tập quán, văn hóa vùng miền và vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng nhau về quan điểm sống. Đến khoảng tháng 09/2008, chị trở về nhà bố mẹ đẻ ở ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống và ly thân với anh Đ cho đến nay. Suốt khoảng thời gian này, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không liên lạc gì với nhau, không quan tâm nhau và không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ nên chị cũng đồng ý ly hôn theo như đề nghị của anh Đ.

+ Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Trần Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Vũ Đình Đ và chị Trần Thị Thùy T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn, anh Đ giữ yêu cầu khởi

kiện xin ly hôn chị Trần Thị Thùy T và không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác; Chị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đình Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình Đ được ly hôn chị Trần Thị Thùy T.

+ Về con chung: Anh Đ, chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Đ, chị T không yêu cầu nên không phải giải quyết.

+ Về án phí: Anh Vũ Đình Đ là phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đình Đ khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị Thùy T ngoài ra không còn yêu cầu khởi kiện nào khác nên xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "*ly hôn*"; Nguyên đơn anh Đ có nơi cư trú tại xã B, huyện B, Hải Dương, bị đơn chị T cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hai bên đều đã có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (theo nơi cư trú của nguyên đơn) giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình Đ và chị Trần Thị Thùy T đều xác định hai bên được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09/5/2008 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, anh Đ và chị T đều đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Đ và chị T về chung sống với nhau tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh Đ và chị T đều xác định là do bất đồng nhau về quan điểm sống, xuất phát từ việc vợ chồng có sự khác biệt về phong tục, tập quán, văn hóa vùng miền nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên khoảng tháng 09/2008, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống và ly thân với anh Đ cho đến nay. Trong thời gian ly hôn, hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau và cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Đến nay, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T, bản thân chị T cũng xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Mặc dù chị T đồng ý ly hôn nhưng do chị đang cư trú tại tỉnh Đồng Tháp nên không thể đến Tòa án nhân dân huyện Bình Giang để giải quyết vụ việc được và đề nghị xét xử vắng mặt do đó tòa án không thể tiến hành hòa giải để ghi nhận thỏa thuận của anh Đ, chị T. Từ những căn cứ nêu trên, có thể khẳng định hôn nhân của anh Đ, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ ly hôn chị T là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị T đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Đ và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí : Anh Vũ Đình Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đình Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình Đ được ly hôn chị Trần Thị Thùy T.

2. Về con chung: Anh Vũ Đình Đ, chị Trần Thị Thùy T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Vũ Đình Đ, chị Trần Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Đình Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002114 ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải